TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 –AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 199/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2026
"V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Mến
Ông Tô Hải Đăng
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa*:** bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 595/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn, yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 210/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn**: chị Dương Ngọc Y, sinh ngày 09/8/1999 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã V, tỉnh A

- **Bị đơn**: anh Võ Thanh S, sinh ngày: 24/3/1994 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp P, xã V, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2026, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn chị Dương Ngọc Y như sau:

Năm 2017 chị Y và anh Võ Thanh S được người quen giới thiệu cho hai người gặp nhau và chị với anh S có tìm hiểu được vài tháng thì có tình cảm với nhau, anh chị tự nguyện quyết định kết hôn với nhau, anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào tháng 12/2017 và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K số 02/2018 ngày 15/01/2018. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S có quan hệ với người phụ

nữ bên ngoài và anh S đã bỏ đi sống ly thân với chị từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị Y với anh S ít gặp nhau, chị Y xác định đã không còn tình cảm với anh S và không thể hàn gắn hôn nhân được nữa nên chị Y quyết định ly hôn với anh S.

Về con chung chị Y và anh S có một người con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2019. Chị Y xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Dương Ngọc Y yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thanh S. Về con chung chị Y yêu cầu nuôi dưỡng con tên Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2019 và chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị Y không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

* Đối với bị đơn anh Võ Thanh S không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng anh S không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp nhận cho chị Dương Ngọc Y được ly hôn với anh Võ Thanh S. Về con chung giao Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2019 cho chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Dương Yến N yêu cầu ly hôn với anh Võ Thanh S. Bị đơn có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp P, xã V, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực

5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật "ly hôn, yêu cầu nuôi con" và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Võ Thanh S với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh S vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị Dương Ngọc Y và anh Võ Thanh S quen biết, tìm hiểu trong thời gian ngắn thì anh chị tự nguyện tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang số 02/2018 ngày 15/01/2018, cho nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Y là chị có nguyện vọng được ly hôn với anh S lý do anh S có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài và anh S đã bỏ đi sống ly thân với chị từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị Y với anh S ít gặp nhau, chị Y xác định đã không còn tình cảm với anh S và không thể hàn gắn hôn nhân được nữa nên chị Y quyết định ly hôn với anh S. Tòa án đã tiến hành thông báo mời hòa giải nhằm tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân nhưng anh S không có mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Tại phiên toà, chị Y và anh S cũng không gặp nhau và chị Y vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh S vì chị và anh S đã không sống với nhau từ năm 2023 đến nay nên không còn tình cảm yêu thương dành cho anh S. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn anh chị đã không tìm hiểu rõ tính tình của nhau mà vội vàng kết hôn với nhau nên anh chị chỉ chung sống với nhau được thời gian ngắn thì đã xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau và đã ly thân mỗi người sống một nơi từ năm 2023 đến nay, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là phù hợp.

[2.3] Về con chung: chị Y khai trong quá trình sống chung với anh S, anh chị có một người con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2019; chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và cháu Minh T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2019 cho chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng với nguyện vọng của con, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

2.4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Y xác định là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Đối với bị đơn anh Võ Thanh S, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy anh S có đăng ký thường trú tại ấp P, xã V, tỉnh An Giang nhưng anh S vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh S theo quy định nhưng anh S vẫn không có mặt không có lý do và anh S cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của anh.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: bằng 300.000 đồng, chị Y phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: chấp nhận cho chị Dương Ngọc Y được ly hôn với anh Võ Thanh S.

2. Về con chung: giao Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2019 cho chị Dương Ngọc Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh S có quyền có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Dương Ngọc Y phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp theo biên lai thu số 301562 ngày 23/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Y đã nộp xong án phí HNST.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 12/6/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS khu vực 5 – An Giang;
-THADS;
-Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh